

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa

Chương: 414

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-STP ngày 05/01/2022 của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Sở Tư pháp	TT Trợ giúp Pháp lý	TT Dịch vụ Đấu giá TS	Phòng công chứng số 1
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí	4,380	4,380	880	0	0	3,500
1	Lệ phí						
2	Phí	4,380	4,380	880	0	0	3,500
	Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp, hộ tịch	880	880	880			
	Phí công chứng	3,500	3,500				3,500
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3,355	3,355	730	0	0	2,625
I	Chi sự nghiệp	2,625	2,625	0	0	0	2,625
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Phòng công chứng)	2,625	2,625				2,625
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0				
2	Chi quản lý hành chính	730	730	730	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Sở Tư pháp)	730	730	730			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1,025	1,025	150	0	0	875
1	Lệ phí						
2	Phí	1,025	1,025	150	0	0	875
	Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp, hộ tịch	150	150	150			
	Phí công chứng	875	875				875
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9,258	9,258	6,477	2,060	706	15
I	Nguồn ngân sách trong nước	6,477	6,477	6,477	0	0	0
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4,470	4,470	4,470	0	0	0
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	3,629	3,629	3,629			
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	841	841	841			
2	Kinh phí thực hiện CCTL	94	94	94	0	0	0
	- Nguồn CCTL (tiết kiệm 10% KP định mức)	94	94	94			

1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,913	1,913	1,913	0	0	0
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	40	40	40			
	- Kinh phí phổ biến pháp luật	720	720	720			
	- Kinh phí trang Web	50	50	50			
	- Kinh phí thẩm định văn bản	76	76	76			
	- Kinh phí Ban chỉ đạo Trợ giúp pháp lý	81	81	81			
	- Chi đoàn ra, đoàn vào (Đoàn Lào)	315	315	315			
	- Mua trang thiết bị hỗ trợ cho Lào	315	315	315			
	- Trang phục cho 2 thanh tra	12	12	12			
	- Hoạt động Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi	45	45	45			
	- Hoạt động bồi thường NN, giao dịch bảo đảm	36	36	36			
	- Kinh phí xử lý thông tin lý lịch tư pháp tồn đọng trước 2018	70	70	70			
	- Hoạt động hỗ trợ tư pháp	53	53	53			
	- Nâng cấp trang thông tin điện tử PBGDPL	100	100	100			
II	Chi sự nghiệp kinh tế	2,781	2,781	0	2,060	706	15
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,090	2,090	0	1,404	686	0
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	1,687	1,687		1,087	600	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	403	403		317	86	
2	Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	45	45	0	35	10	0
	- Nguồn CCTL (tiết kiệm 10% KP định mức)	45	45		35	10	
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	646	646	0	621	10	15
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	50	50		25	10	15
	- Hoạt động trợ giúp pháp lý theo Quyết định 32/2012/QĐ-TTg cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số	58	58		58		
	- H/động TGPL theo TT 10 về TGPL trong hoạt động tổ tụng	112	112		112		
	- Kế hoạch 4692/KH-UBND cho người khuyết tật	121	121		121		
	- Hoạt động theo Thông tư 59/2020/TT-BTC	45	45		45		
	- Hoạt động theo Thông tư 58/2020/TT-BTC	260	260		260		